

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI
Số: 04/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
B, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và
“Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Đức Quang.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 21/2021/TLST-VDS - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và “Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2021/QĐST-VDS ngày 23 tháng 8 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Hạng A D.

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt (Có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt).

- Chị Lý Thị D.

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt (Có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý A K - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

(Có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 02/8/2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết thì người yêu cầu anh Hạng A D và chị Lý Thị D trình bày: Anh

Hạng A D và chị Lý Thị D làm thủ tục đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 28/12/2012. Thời điểm đăng ký kết hôn anh Hạng A D khai sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994, chị Lý Thị D khai sinh ngày 01/01/1993. Đến năm 2021 trong quá trình làm hồ sơ đăng ký hộ tịch cải chính thông tin cá nhân và xin vay vốn ngân hàng, anh D đã tìm thấy bản sao giấy khai sinh của anh, tại bản sao giấy khai sinh số 92 được cấp ngày 29/8/2002 thì anh Hạng A D, sinh ngày 02/03/1994 chứ không phải sinh ngày 01/01/1994 như đã khai khi đăng ký kết hôn. Đối chiếu với giấy chứng nhận kết hôn được cấp ngày 28/12/2012 thì lúc đó anh Hạng A D mới hơn 18 tuổi, vi phạm điều kiện kết hôn là chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy anh Hạng A D và chị Lý Thị D yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Hạng A D và chị Lý Thị D, để làm căn cứ cho cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính thông tin cá nhân và xin vay vốn ngân hàng đối với anh Hạng A D và chị Lý Thị D theo quy định.

Từ khi kết hôn đến nay Hạng A D và chị Lý Thị D chung sống hòa thuận, hạnh phúc cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung không có mâu thuẫn gì, anh Hạng A D và chị Lý Thị D đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh, chị đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai trình bày:

Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2012, quyển số 01/2012 lập ngày 28 tháng 12 năm 2012 lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã thì anh Hạng A D và chị Lý Thị D kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi kết hôn, anh D và chị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Như vậy việc anh D và chị D đăng ký kết hôn tại UBND xã S là đúng qui định của pháp luật. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Hạng A D khai anh sinh ngày 01/01/1994, đối chiếu với sổ hộ khẩu gia đình cấp ngày 01/7/2005 trong sổ hộ khẩu không ghi ngày, tháng sinh của anh D, anh D lại không có giấy khai sinh nên không đối chiếu với các giấy tờ có liên quan, không xác định chính xác ngày, tháng sinh của anh Hạng A D. Do đó Ủy ban nhân dân xã S đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Hạng A D và chị Lý Thị D theo kê khai của cá nhân. Đến nay anh Hạng A D tìm được giấy khai sinh số 92 được cấp ngày 29/8/2002 làm thủ tục cải chính hộ tịch cá nhân và vay vốn ngân hàng, sau khi đối chiếu với các giấy tờ có liên quan, thể hiện anh Hạng A D sinh ngày 02/3/1994. Như vậy khi đăng ký kết hôn anh Hạng A D chưa đủ tuổi theo luật định, vi phạm điều kiện kết hôn.

Nay anh Hạng A D và chị Lý Thị D có đơn yêu cầu hủy kết hôn nhân trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân cho anh, chị kể từ khi anh Hạng A D đủ độ tuổi kết hôn, Ủy ban nhân dân xã S đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến phiên họp hôm nay: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 10, điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị giải quyết theo hướng: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Hạng A D và chị Lý Thị D. Hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Hạng A D và chị Lý Thị D theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hạng A D và chị Lý Thị D kể từ khi anh, chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” và “Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân” (ngày 02/8/2021), anh Hạng A D và chị Lý Thị D đều đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì anh D và chị D có quyền yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Anh Hạng A D và chị Lý Thị D đều có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện B đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B là đúng quy định của pháp luật, nay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân theo qui định tại khoản 6 Điều 3 và Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

1.3. Tại phiên họp người yêu cầu anh D và chị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự ở trên.

[2] Về nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy việc kết hôn trái pháp luật: Anh Hạng A D và chị Lý Thị D đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 59/2012 quyển sổ số 01/2012 ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai có ghi anh Hạng A D, sinh ngày 01/01/1994, như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn thì anh Hạng A D mới hơn 18 tuổi, Ủy ban nhân dân xã S, huyện B đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh D và chị D là vi phạm điều kiện kết hôn tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000. Nay tại bản sao giấy khai sinh số 92 cấp ngày 29/8/2002, giấy chứng minh thư nhân dân số 063363326 cấp ngày 25/11/2020, sổ hộ khẩu số 380219080 cấp ngày 22/6/2021 đều ghi anh Hạng A D, sinh ngày 02/3/1994, đối chiếu với giấy đăng ký kết hôn số 59/2012, Quyển số 01/2012 kết hôn ngày 28/12/2012 do Ủy ban nhân dân xã S cấp thì thời điểm đăng ký kết hôn anh Hạng A D mới 18 tuổi 9 tháng 26 ngày, theo quy định về độ tuổi kết hôn tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì Nam từ 20 trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên. Do vậy hôn nhân giữa anh Hạng A D và chị Lý Thị D là trái pháp luật. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và điểm a khoản 2; khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Hạng A D và chị Lý Thị D.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì anh Hạng A D và chị Lý Thị D đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh, chị chung sống hạnh phúc và đã có hai người con chung. Đến nay anh, chị đều yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân theo quy định. Vì vậy cần công nhận quan hệ hôn nhân của anh Hạng A D và chị Lý Thị D kể từ thời điểm anh, chị đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, ngày 03/3/2013 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016. Anh Hạng A D và chị Lý Thị D phải chịu lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 10, Điều 11 khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 367; Điều 370 và Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Hạng A D và chị Lý Thị D.

- Tuyên bố: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Hạng A D và chị Lý Thị D.

- Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Hạng A D và chị Lý Thị D kể từ ngày 03/3/2013 (thời điểm anh Hạng A D đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật).

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Hạng A D và chị Lý Thị D mỗi người phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai số 0002062 ngày 09/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai; anh Hạng A D và chị Lý Thị D đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự (02);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã S (01);
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Ngô Đức Quang

